

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 101/2016/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 17 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về Định mức chi phí dịch vụ công ích đô thị và quản lý kinh phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai, ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/5/2016 của UBND tỉnh Lào Cai.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐT BXH-BTC-UBND ngày 05/01/2005 của liên Bộ: Bộ Nội vụ, Bộ Lao động TBXH, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BLĐT BXH ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội về việc hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Thực hiện các Quyết định của Bộ Xây dựng: Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 về việc công bố Định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị; Quyết định số 593/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 về việc công bố Định mức dự toán duy trì cây xanh đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 712/TT-SXD ngày 11 tháng 11 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về Định mức chi phí dịch vụ công ích đô thị và quản lý kinh phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai, ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/5/2016 của UBND tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1- Khoản 3 Điều 5, được sửa đổi như sau:

“3. Các loại đường phố cần bổ sung thực hiện dịch vụ công ích đô thị có tỷ lệ dân cư sinh sống chưa đủ 50% theo quy hoạch và các tuyến đường thuộc tiểu khu đô thị, khu tái định cư chưa bàn giao đầy đủ hạ tầng:

a) Đối với các huyện, thành phố do Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính được giao quản lý DVCIDT: Trên cơ sở đề nghị của UBND các huyện, thành phố Trung tâm TV&DVTC tổng hợp khối lượng, báo cáo Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt phương án thực hiện thu gom rác thải sinh hoạt tạm thời đối với từng vị trí cụ thể.

b) Đối với các huyện được giao quản lý Dịch vụ công ích đô thị: UBND các huyện căn cứ vào nguồn ngân sách được giao trong năm tự cân đối để tổ chức thực hiện; nếu vượt quá nguồn ngân sách đã giao thì tổng hợp khối lượng, báo cáo Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt phương án thực hiện thu gom rác thải sinh hoạt tạm thời đối với từng vị trí cụ thể”

2- Bổ sung Khoản 4 vào Điều 5, cụ thể như sau:

“4. Quy định về tần suất thực hiện quét, gom rác đường, phố và công tác duy trì ngõ, xóm:

a) Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công được thực hiện tại các đường phố có chiều rộng mặt đường từ 6m (sáu) trở lên; có kết cấu mặt đường rải bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng bằng phẳng, có vỉa hè 2 bên lát gạch hoặc bê tông, có hệ thống thoát nước bằng cống ngầm hoặc cống hộp, có hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh.

b) Công tác gom rác đường phố bằng thủ công được thực hiện tại các đường phố có chiều rộng mặt đường từ 3m đến < 6m; có mặt đường rải bê tông nhựa, đá dăm nhựa, đá dăm, cấp phối..., đường có kết cấu ổn định, có hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh.

c) Công tác duy trì ngõ xóm tại các đường ngõ, xóm có kết cấu mặt đường ổn định, đường bê tông, đường bê tông hạt nhựa thô, cấp phối, có chiều rộng mặt đường rộng < 3m (ba).

d) Tần suất thực hiện:

- Đối với các tuyến đường, phố có mật độ dân cư sinh sống đạt từ 60% dân cư theo quy hoạch thì thực hiện quét, thu gom rác ngày 02 lần (hai).

- Đối với các tuyến đường, phố mật độ dân cư sinh sống < 60% dân cư theo quy hoạch thì thực hiện quét thu gom ngày 01 lần (một).”

3- Bổ sung vào Điểm d Khoản 1 Điều 7, như sau:

- Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

“+ Công nhân cắt cỏ máy đeo vai, cầm tay Hệ số 0,1.”

4- Điểm a Khoản 4 Điều 7, được sửa đổi như sau:

“a) Đối với công tác dịch vụ không sử dụng máy, thiết bị hoặc có sử dụng nhưng chi phí máy, thiết bị nhỏ hơn 60% chi phí trực tiếp: Chi phí quản lý chung được xác định bằng 55% chi phí nhân công trực tiếp.”

5- Bổ sung Khoản 3 vào Điều 8, như sau:

“3. Phân cấp thẩm định phê duyệt phương thức cung ứng DVCĐT, kế hoạch đấu thầu, hồ sơ đặt hàng cung ứng DVCĐT:

a) Thẩm định, phê duyệt phương thức cung ứng DVCĐT: Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện thẩm định dự toán chi tiết, phương thức cung ứng DVCĐT, kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc hồ sơ đặt hàng cung ứng DVCĐT đối với DVCĐT các huyện thành phố do trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính được giao quản lý, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.”

b) UBND tỉnh uỷ quyền cho UBND huyện được giao quản lý DVCĐT của huyện, thực hiện thẩm định dự toán chi tiết, phương thức cung ứng DVCĐT, kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc hồ sơ đặt hàng cung ứng DVCĐT đối với DVCĐT của huyện theo quy định hiện hành.”

6- Điểm a Khoản 1 Điều 9, được sửa đổi như sau:

“a) Tạm ứng hợp đồng:

Căn cứ hợp đồng đã ký bên A (các đơn vị được giao trách nhiệm ký kết hợp đồng cung ứng DVCĐT) tạm ứng cho bên B (các đơn vị, cá nhân thực hiện hợp đồng cung ứng DVCĐT) bằng 20% (hai mươi phần trăm) giá trị hợp đồng của năm và thực hiện thu hồi tạm ứng vào các đợt thanh toán hàng quý;”

7- Khoản 3, Điều 12, được sửa đổi như sau:

“3. Thực hiện thẩm định dự toán chi tiết, phương thức cung ứng DVCĐT, kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc hồ sơ đặt hàng cung ứng DVCĐT đối với DVCĐT các huyện, thành phố do Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính được giao quản lý DVCĐT;”

8- Khoản 1 và Khoản 2 Điều 13, được sửa đổi như sau:

“1. Căn cứ vào khối lượng DVCĐT do ngân sách tỉnh đảm bảo trên địa bàn các huyện, thành phố và các đơn giá công bố lập dự toán DVCĐT năm sau, chậm nhất vào ngày 15 tháng 6 hàng năm, gửi Sở Tài chính chủ trì phối hợp Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt, làm căn cứ duyệt kế hoạch ngân sách hàng năm.

2. Đối với các huyện, thành phố được giao quản lý kinh phí thực hiện DVCĐT thì UBND huyện, thành phố thực hiện thẩm định, phê duyệt dự toán chi tiết, phương

thức cung ứng DVCĐT, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ đặt hàng cung ứng DVCĐT trên cơ sở ngân sách được giao và theo các quy định hiện hành.”

9- Khoản 3 Điều 15, được sửa đổi như sau:

“3. Đối với các huyện, thành phố do Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính được UBND tỉnh giao quản lý kinh phí thực hiện DVCĐT trên địa bàn. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các huyện, thành phố liên quan thống nhất nội dung, biện pháp và tổ chức thực hiện.”

10- Sửa đổi, bổ sung Phụ lục số 01 như sau:

a) Bổ sung vào Điều b khoản 1.

“- Hệ số tính công: Công tác gom rác đường phố bằng thủ công tại các khu vực đã thực hiện phân loại rác tại nguồn bằng 1,0;”

b) Bổ sung vào Điều b khoản 2.

“- Hệ số tính công: Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công tại các khu vực đã thực hiện phân loại rác tại nguồn bằng 1,2;”

c) Khoản 7, được sửa đổi như sau:

“Công tác chôn lấp rác tại bãi chôn lấp rác, công suất bãi ≤ 500 tấn/ngày.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Tiếp nhận rác, hướng dẫn xe qua cân điện tử, ghi chép số liệu và hướng dẫn chỗ đỗ cho các xe tập kết.
- Đổ, cào rác từ trên xe xuống, đảm bảo khi xe khỏi khu vực đỗ không còn rác trên xe.
- Hướng dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không gây ùn tắc, xa lầy.
- San ủi các đồng rác thành bãi phẳng, đầm nén để ô tô có thể liên tiếp vào đỗ rác.
- Phun xịt chế phẩm vi sinh (EM), rải Bokashi để khử mùi hôi, xịt nước chống bụi.
- Sau một lớp rác vừa san ủi lại phủ một lớp đất, tiến hành đầm nén trước khi đổ lớp rác khác lên.
- Rác vôi bột, hóa chất để diệt trừ ruồi, muỗi.
- San ủi rác đến khi hết ca làm việc.
- Quét đường, rửa đường (ngoài bãi rác) dẫn vào bãi rác.
- Quét dọn đảm bảo vệ sinh khu vực bãi, khu vực cân điện tử, trạm rửa xe.
- Duy trì cây xanh khu vực bãi.
- Cuối ca san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn. Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Độ dày lớp rác sau khi đầm nén để phủ đất là 2m.
- Độ dày lớp đất phủ là 0,2m.

b) Thành phần chi phí:

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT3.01.00	Công tác vận hành bãi chôn lấp và xử lý chất thải sinh hoạt, công suất < 500 tấn/ngày	Vật liệu:		
		- Vôi bột	tấn	0,00026
		- Đất phủ bãi	m ³	0,210
		- Hóa chất diệt ruồi	lít	0,00204
		- EM thứ cấp	lít	0,400
		- Bokashi	kg	0,246
		Nhân công:		
		- Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,060
		Máy thi công:		
		- Máy ủi 170CV	ca	0,0025
		- Xe bồn 6m ³	ca	0,0020
		- Máy bơm xăng 5CV	ca	0,0010

- Căn cứ vào định mức nêu trên và Công bố giá Vật liệu xây dựng hàng quý; Công bố bổ sung VLXD của Liên sở Xây dựng - Tài Chính, tùy theo điều kiện thực cụ thể khi thực hiện xử lý chôn lấp rác ở từng địa phương nếu thực hiện công đoạn nào thì thực hiện tính giá thành cho công đoạn đó, những công tác không thực hiện không được tính trong giá thành thanh, quyết toán. Trên nguyên tắc rác trong và sau xử lý không gây ô nhiễm môi trường.

- Cụ ly vận chuyển đất lấp được xác định cụ thể tại mỏ lấy đất được cấp khai thác sử dụng chôn lấp rác làm căn cứ xác định cụ ly vận chuyển để tính giá đất lấp.”

11- Sửa đổi Điểm b Khoản 22 phụ lục số 2.

Định mức Tưới cây bóng mát mới trồng bằng xe bồn có dung tích 8m³, cụ thể như sau:

“ b) Thành phần chi phí:

Đơn vị tính: 100cây/lần

THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
Máy thi công:		
- Xe bồn 8 m ³	Ca	0,0678
- Máy bơm 5,5 kW	Ca	0,00324
Nhân công:		
- Nhân công bậc thợ bình quân 3,5/7, nhóm II, hệ số lương 2,355	Công	0,0643
Vật tư:		
- Nước	Lít	1500

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành;

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng; Kế hoạch & Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đặng Xuân Phong